

Bản án số: 18/2021/HS-PT  
Ngày: 12-4-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Chu Long Kiêm

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Hoa

Ông Vi Đức Trí

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Cẩm Nhung - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:***  
Ông Tổng Văn Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 110/2020/TLPT-HS ngày 12 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo Hoàng Kim N cùng đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2020/HS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

***- Các bị cáo có kháng cáo:***

1. Hoàng Kim N, sinh ngày 24 tháng 7 năm 1980 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn C (nay là thôn N), thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Nguyên giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Lạng Sơn; là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (đã đình chỉ sinh hoạt Đảng); trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Kim V và bà Hoàng Thị N; có vợ: Lý Ngọc L và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự; chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; ngày 02/3/2006, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B quyết định kỷ luật bằng hình thức Cảnh cáo do vi phạm quy định về thu phí và lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Lý Thanh D, sinh ngày 28 tháng 11 năm 1958 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Hưu trí; là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (đã đình chỉ sinh hoạt Đảng); trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Đình L (đã chết) và bà Trương Thị T (đã chết);

có vợ: Hoàng Thị H và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, ngày 02/3/2006, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B quyết định kỷ luật bằng hình thức Khiển trách, do thiếu tinh thần trách nhiệm trong quản lý hồ sơ địa chính. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/6/2019 đến ngày 30/9/2019, được áp dụng biện pháp bảo lãnh, tại ngoại đến nay; có mặt.

3. Lộc Văn Đ, sinh ngày 25 tháng 02 năm 1978 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Nguyên công chức Ủy ban nhân dân xã Y, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (đã đình chỉ sinh hoạt Đảng); trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lộc Cường T (đã chết) và bà Hoàng Thị N; có vợ: Đỗ Thị B và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự; chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; ngày 27/4/2018 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B quyết định kỷ luật với hình thức Cảnh cáo do trong công tác tham mưu đã có những sai phạm trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, xác nhận hồ sơ sai quy định của pháp luật về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ngày 06/3/2019, Chủ tịch UBND huyện B quyết định kỷ luật với hình thức Cảnh cáo do không thực hiện nhiệm vụ được giao trong việc giải quyết 62 đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nguyễn Tài H – Luật sư, thuộc văn phòng Luật sư N, Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Dương Thị T, sinh năm 1968; Thôn L, xã L, huyện B1, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Ông Lăng Xuân T, sinh năm 1962; trú tại: Thôn B, xã H1, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. Ông Lâm Văn G, sinh năm 1960; trú tại: Thôn N1, xã H1, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Ông Lâm Văn P, sinh năm 1967; trú tại: Thôn N1, xã H1, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

5. Ông Lý Văn T, sinh năm 1961; trú tại: Thôn C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Hứa Văn N, sinh năm 1984; vắng mặt.

2. Ông Lý Văn N, sinh năm 1989; vắng mặt.

3. Ông Hoàng Hữu S, sinh năm 1956; vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

1. Ông Hoàng Kim V - Nguyên Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Ông Đinh Xuân Đ - Nguyên Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

*Ngoài ra, còn có 05 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 5/2012, một số cá nhân gồm ông Dương Công Đ, bà Dương Thị T, bà Hà Thị Thanh H, bà Đỗ Thị Dương L đã viết đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khu đất rừng T – C1, thôn B, xã H1, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, trước năm 2015 chưa giao cho đơn vị, cá nhân nào quản lý. Đơn có xác nhận của ông Hứa Văn N là trưởng thôn B, xã H1 gửi Ủy ban nhân dân (UBND) xã H1, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Ngày 30/12/2014, UBND xã H1, huyện B đã lập Tờ trình số 37/TTr-UBND về việc xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp do ông Lãng Xuân T - Chủ tịch UBND xã ký. Tháng 5/2015, sau khi nhận được tờ trình của UBND xã H1, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện B đã phối hợp với công chức địa chính xã H1 tiến hành xác định từng thửa đất. Việc mô tả, trích đo như trên là do Lý Văn N là nhân viên hợp đồng lao động của Phòng Tài nguyên môi trường huyện B thực hiện sơ họa trên bản đồ lâm nghiệp tỷ lệ 1/10.000 (bản đồ nền). Sau khi hoàn chỉnh bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất và mảnh trích đo địa chính của từng thửa đất trên đánh máy, vẽ tay phần sơ họa ranh giới, mốc giới thửa đất rồi chuyển cho Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện B. Tiếp đó, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện B đã chuyển bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất của các ông, bà có tên nêu trên cho bà Dương Thị T để đưa cho người làm đơn, người quản lý, chủ sử dụng đất liền kề ký xác nhận. Theo sự chỉ đạo của ông Mỗ Văn C - Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và môi trường huyện B, Lý Văn N đã đánh máy và ghi một số thông tin như phần đánh máy vào Đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của các ông, bà có tên nêu trên, rồi đưa toàn bộ số đơn này cho bà Dương Thị T để chuyển cho các cá nhân trên để ký xác nhận.

Sau khi bà Dương Thị T nộp đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của các cá nhân nêu trên cho Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện B, Hoàng Kim N - Giám đốc Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất huyện B, đã phân công, chỉ đạo Lý Thanh D là Viên chức thuộc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện B viết tay vào các điểm 1, 2, 3, 5, 6 Phần II thuộc trách nhiệm xác nhận của UBND xã H1 trong đơn của 07 cá nhân. Cụ thể như sau:

1. Nội dung kê khai so với hiện trạng: "*Đúng hiện trạng*".
2. Nguồn gốc sử dụng đất: "*Công nhận QSD đất*".

3. Thời điểm sử dụng đất vào mục đích đăng ký: " *Trồng rừng* ".
5. Tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất : " *Không có tranh chấp* ".
6. Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng: " *phù hợp QH* ".

Ngoài ra, Hoàng Kim N còn phân công Lý Thanh D ký xác nhận là Người đo đạc tại Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất (phụ lục số 11), ký xác nhận là Người kiểm tra tại các Mảnh trích đo địa chính; ông Hoàng Hữu S - Viên chức thuộc Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất huyện B ký xác nhận là Người đo đạc tại các Mảnh trích đo địa chính của 07 cá nhân. Trên thực tế, Lý Thanh D và Hoàng Hữu S đều không trực tiếp đi mô tả, trích đo thửa đất của các cá nhân này. Sau khi hoàn chỉnh các nội dung trên, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện B đã gửi hồ sơ đến UBND xã H1, huyện B để thực hiện trình tự tiếp theo. Khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của 07 cá nhân nêu trên (*Tiếp nhận 02 lần, lần 1 hồ sơ được bà Dương Thị T mang đến UBND xã H1 để ký xác nhận; lần 2, hồ sơ được gửi nhờ anh Hoàng Văn M - Công chức Phòng kinh tế hạ tầng huyện B*), Lộc Văn Đ - Công chức địa chính xã H1 đã không kiểm tra tính pháp lý của các hồ sơ mà ký vào mục Công chức địa chính và trình ông Lâm Văn G - Chủ tịch UBND xã H1 ký vào Phần II xác nhận của UBND xã H1 trong Đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của các cá nhân trên. Tiếp đó, ông Lâm Văn G đã ký xác nhận danh sách niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, danh sách này không được UBND xã H1 niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã H1 theo quy định. Sau đó, UBND xã H1 đã chuyển lại hồ sơ cho Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện B để thực hiện các trình tự, thủ tục tiếp theo.

Ngày 10/7/2015, Lý Thanh D đã vào sổ tiếp nhận các Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của các ông, bà gồm: Dương Thị T, Dương Công Đ, Hà Thị Thanh H, Ngô Thanh B, Đỗ Thị Dương L, Ngô Thu H, Lý Văn T. Cùng ngày, Hoàng Kim N đã ký xác nhận "*Đủ điều kiện cấp*" vào phần III trong đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của các cá nhân trên. Sau đó, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đã chuyển hồ sơ đến Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B để thẩm định và trình UBND huyện B, tỉnh Lạng Sơn ký quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 17/7/2015, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B đã có Tờ trình số 158/TTr-TNMT về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất tại xã H1, gồm: Dương Thị T, Đỗ Thị Dương L, Dương Công Đ, Hà Thị Thanh H, Ngô Thanh B, Ngô Thu H, Lý Văn T trình UBND huyện B. Ngày 30/7/2015, ông Lý Văn T - Phó Chủ tịch UBND huyện đã thay mặt UBND huyện B ký ban hành Quyết định số: 2897/QĐ - UBND về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá

nhân đang sử dụng đất tại xã H1, cho 06 cá nhân gồm: Dương Thị T, Đỗ Thị Dương L, Dương Công Đ, Hà Thị Thanh H, Ngô Thanh B, Ngô Thu H (gồm 07 Giấy chứng nhận) tổng số 09 thửa đất, tổng diện tích 1.633.852,0m<sup>2</sup> đất rừng sản xuất; thuộc tờ bản đồ số 02 đất lâm nghiệp xã H1, huyện B, tỷ lệ 1/10.000.

Qua thẩm định hồ sơ, Phòng Tài nguyên và môi trường huyện B phát hiện Đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Mẫu số 04a/ĐK) của Lý Văn T có sai sót nên đề nghị Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện B phải làm lại đơn để thay thế (*Đơn bị nhầm diện tích từ 267.072m<sup>2</sup> thành 276.072m<sup>2</sup>*). Khoảng đầu tháng 8/2015, ông Mỗ Văn C - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B đưa mẫu Đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lý Văn T cho Lý Thanh D để làm lại (khi đó đơn đã có chữ ký của người viết đơn). Lý Thanh D đã viết tay trước vào các điểm 1, 2, 3, 5, 6 Phần II xác nhận của UBND xã H1 trong đơn của ông Lý Văn T (viết như nội dung Hoàng Kim N đã chỉ đạo trước đó).

Bên lề cuộc họp tại phòng họp của Phòng Tài nguyên và môi trường huyện B, Lý Thanh D đã đưa Đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Mẫu số 04a/ĐK) của ông Lý Văn T cho Lộc Văn Đ để ký xác nhận lại. Lý Thanh D cho Lộc Văn Đ biết là đơn của Thiệu phải làm lại do nhầm lẫn thông tin về diện tích thửa đất và đề nghị UBND xã H1 ký xác nhận lại đơn để hoàn chỉnh hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân. Khi tiếp nhận đơn từ Lý Thanh D, qua kiểm tra thì Lộc Văn Đ thấy đã có phần viết tay tại các điểm 1, 2, 3, 5, 6 Phần II xác nhận của UBND xã H1. Riêng tại phần II, điểm 4 "*Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất*" vẫn để trống, chưa viết nội dung. Lộc Văn Đ có hỏi Lý Thanh D về nội dung tại điểm 4 phần II sao chưa viết thì Lý Thanh D trả lời "Mày không biết thì để tao hỏi bà T". Nghe xong, Đạo đã ký vào mục Công chức địa chính tại Phần II trong Đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Lý Văn T. Khi công chức địa chính ký xong, Lý Thanh D cầm lại đơn rồi đưa cho Lâm Văn G ký xác nhận vào mục Chủ tịch UBND xã H1. Sau đó, Lý Thanh D đã đưa đơn cho Hoàng Kim N ký xác nhận "*Đủ điều kiện cấp*" rồi chuyển hồ sơ đến Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B để thực hiện các trình tự, thủ tục tiếp theo.

Ngày 29/10/2015, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện có Tờ trình số: 269/TTr-TNMT với UBND huyện B về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất tại xã H1 đối với trường hợp Lý Văn T. Ngày 29/10/2015, ông Lý Văn T - Phó Chủ tịch UBND huyện đã thay mặt UBND huyện B ban hành Quyết định số: 2897/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Lý Văn T, gồm 01 Giấy chứng nhận thuộc thửa đất số 359, diện tích 267.072,0m<sup>2</sup>, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H1 số LN 02, mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất, địa chỉ: thôn B, xã H1.

Ngày 06/11/2015, bà Dương Thị T đã đến Văn phòng đăng ký quyền sử

dụng đất huyện B nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tất cả các cá nhân nêu trên (gồm 07 người).

Ngày 14/4/2017, ông Dương Công Đ đã chuyển nhượng thửa đất số 361, diện tích 285.090,0m<sup>2</sup>, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H1 số LN 02, mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất, cho ông Nguyễn Thành L, trú tại Khôi phố L, thị trấn B1, huyện B1, tỉnh Lạng Sơn, với giá 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Giấy chuyển nhượng được viết tay và có xác nhận của ông Lâm Văn P - Chủ tịch UBND xã H1. Ngày 04/5/2017, ông Lý Văn T đã chuyển nhượng thửa đất số 359, diện tích 267.072,0m<sup>2</sup>, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H1 số LN 02, mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất, cho bà Dương Thị T. Giấy chuyển nhượng được viết tay và có xác nhận của ông Lâm Văn P - Chủ tịch UBND xã H1. Hai bên thỏa thuận không lấy tiền, ông Thiệu chỉ nhờ bà Dương Thị T mở đường từ T (thuộc thôn B, xã H1) đến nhà của ông Lý Văn T đang sinh sống.

Khoảng tháng 5/2017, qua kiểm tra hồ sơ và thực tế hiện trạng thửa đất được cấp, Lộc Văn Đ đã phát hiện thửa đất số 361 của ông Dương Công Đ được cấp là thuộc địa danh T giáp với G, chứ không phải là địa danh P1 giáp H2 (thuộc thôn B, xã H1) như Đơn xin cấp đất rừng trước đó (viết tay từ năm 2012). Lộc Văn Đ đã gọi điện thoại cho bà Dương Thị T đề nghị ông Dương Công Đ viết lại đơn cho đúng địa danh là T giáp với G. Sau khi bà T mang đơn viết lại của Dương Công Đ đến UBND xã H1 nộp cho Lộc Văn Đ, Lộc Văn Đ đã nhờ ông Hứa Văn N - Trưởng thôn B, xã H1 xác nhận lại. Khoảng tháng 7/2017, Hoàng Kim N đã gọi điện thoại cho Lý Thanh D (khi đó đã nghỉ hưu) đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B để nhờ Lý Thanh D viết tay nội dung " *trước năm 2004* " vào Phần I, điểm 3.5 "Sử dụng vào mục đích: Đất rừng, từ thời điểm: " và phần II, điểm 4 "Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất:" trong Đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Mẫu số 04a/ĐK) của các ông, bà gồm: Dương Thị T, Dương Công Đ, Hà Thị Thanh H, Ngô Thanh B, Đỗ Thị Dương L, Ngô Thu H. Riêng đơn của ông Lý Văn T thì Lý Thanh D còn để sót tại điểm 4 phần II chưa viết nội dung xác nhận. Mục đích của việc làm trên là để Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ, đối phó khi phải làm việc với Đoàn thanh tra, kiểm tra của cơ quan chức năng.

Từ tháng 5/2017, một số công dân thôn B, xã H1 nhiều lần viết đơn gửi đến các cấp chính quyền để khiếu nại, tố cáo hành vi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho công dân thuộc huyện B1. Vụ việc đã gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn, tạo bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân, làm giảm sút lòng tin của quần chúng nhân dân vào công tác quản lý nhà nước. Sau khi sự việc xảy ra, ngày 06/02/2018, UBND huyện B đã ban hành các Quyết định số: 261, 262, 263, 264, 265, 266 và 267/QĐ - UBND về việc Thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho các trường hợp: Lý Văn T, Dương Công Đ, Dương Thị T, Ngô Thu H, Ngô Thanh B, Đỗ Thị Dương L, Hà Thị Thanh H. Trong các ngày 14, 20 và 27/6/2018, UBND huyện B đã ban hành các Quyết định số: 1229, 1230, 1231, 1283, 1284, 1285 và 1513/QĐ-UBND về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho 07 trường hợp:

Lý Văn T, Dương Công Đ, Dương Thị T, Ngô Thu H, Ngô Thanh B, Đỗ Thị Dương L, Hà Thị Thanh H.

Hành vi Vi phạm các quy định về quản lý đất đai của các bị cáo Hoàng Kim N, Lý Thanh D và Lộc Văn Đ thể hiện cụ thể như sau:

**Đối với bị cáo Hoàng Kim N:** Ông Hoàng Hữu S và Lý Thanh D đều không trực tiếp đi mô tả, trích đo các thửa đất, tuy nhiên Hoàng Kim N vẫn phân công Lý Thanh D ký xác nhận là người đo đạc tại các Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất và ký người kiểm tra tại các mảnh trích đo địa chính; ông Hoàng Hữu S được phân công ký là người đo đạc tại các mảnh trích đo địa chính; các cá nhân đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều không sử dụng đất ổn định trước năm 2004, không có hộ khẩu thường trú tại địa phương. Hoàng Kim N và những người có liên quan đều không biết về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của các cá nhân. Tuy nhiên, với vai trò là Giám đốc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện B đã phân công, chỉ đạo Lý Thanh D viết tay vào các điểm 1, 2, 3, 5 và 6 phần II đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của các hộ gia đình, cá nhân: Dương Thị T, Đỗ Thị Dương L, Dương Công Đ, Hà Thị Thanh H, Ngô Thanh B, Ngô Thu H, Lý Văn T. Trong khi đó thẩm quyền xác nhận tại phần II thuộc về trách nhiệm của UBND xã H1. (Tại điểm a khoản 3 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ - CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, quy định “ Trường hợp hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại Văn phòng đăng ký đất đai thì gửi hồ sơ đến UBND cấp xã để lấy ý kiến xác nhận và công khai kết quả theo quy định”). Đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của các hộ gia đình, cá nhân: Dương Thị T, Đỗ Thị Dương L, Dương Công Đ, Hà Thị Thanh H, Ngô Thanh B, Ngô Thu H, Lý Văn T không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Hoàng Kim N vẫn ký xác nhận "đủ điều kiện cấp" vào phần III - Ý kiến của cơ quan đăng ký đất đai trong Đơn của các cá nhân này. Sau đó, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đã chuyển hồ sơ đến Phòng Tài nguyên và môi trường huyện B để thẩm định và trình UBND huyện B ký cấp giấy chứng nhận.

**Đối với bị cáo Lý Thanh D:** Là người trực tiếp viết tay vào các điểm 1, 2, 3, 5 và 6 phần II Đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Dương Thị T, Đỗ Thị Dương L, Dương Công Đ, Hà Thị Thanh H, Ngô Thanh B, Ngô Thu H, Lý Văn T theo sự chỉ đạo của Hoàng Kim N. Lý Thanh D biết các nội dung này thuộc trách nhiệm xác nhận của UBND xã H1 nhưng vẫn thực hiện; Là người tiếp nhận, kiểm tra và trực tiếp tham mưu cho Hoàng Kim N, lúc đó là Giám đốc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện B ghi ý kiến của Cơ quan đăng ký đất đai là "đủ điều kiện cấp" vào đơn của 07 hộ gia đình, cá nhân khi chưa đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**Đối với bị cáo Lộc Văn Đ:** Khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của

07 hộ, cá nhân nêu trên. Với vai trò là công chức địa chính xã H1, Lộc Văn Đ đã không kiểm tra tính xác thực về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp, sự phù hợp quy hoạch đối với các thửa đất được đề nghị cấp giấy chứng nhận. Đồng thời Lộc Văn Đ cũng không tham mưu thực hiện niêm yết Danh sách công khai kết quả kiểm tra hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 07 hộ gia đình, cá nhân theo như quy định tại Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ - CP ngày 15/4/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; và quy định tại Điểm 09, Quyết định số 680/QĐ - UBND ngày 04/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Biết rõ Đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Lý Văn T (khi làm lại) không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận theo quy định, tuy nhiên Lộc Văn Đ vẫn ký xác nhận vào mục công chức địa chính tại phần II, tạo điều kiện để Lý Thanh D hoàn thiện thủ tục hồ sơ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hậu quả của vụ án là đã tham mưu, lập hồ sơ trình UBND huyện B cấp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng cho 07 hộ gia đình, cá nhân với tổng diện tích đất là 1.900.924m<sup>2</sup> thuộc đất rừng sản xuất, có tổng giá trị là 9.504.620.000đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2020/HS-ST ngày 04-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Căn cứ khoản 3, 4 Điều 229, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, đối bị cáo Hoàng Kim N và bị cáo Lộc Văn Đ. Căn cứ khoản 3 Điều 229, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lý Thanh D.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Kim N, Lý Thanh D Lộc Văn Đ phạm tội Vi phạm các quy định về quản lý đất đai.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Hoàng Kim N 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Cấm bị cáo Hoàng Kim N đảm nhiệm chức vụ, làm công việc có liên quan đến việc quản lý đất đai trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Xử phạt bị cáo Lý Thanh D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, được trừ đi thời gian đã tạm giam từ ngày 25/6/2019 đến ngày 30/9/2019 là 03 (ba) tháng 08 (tám) ngày, bị cáo còn phải chấp hành 02 (hai) năm 02 (hai) tháng 22 (hai mươi hai) ngày, thời hạn chấp hành tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Lộc Văn Đ 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Cấm bị cáo Lộc Văn Đ đảm nhiệm chức vụ, làm công việc có liên quan đến việc quản lý đất đai trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.



Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

3. Xử lý số tiền các bị cáo nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước bị cáo Hoàng Kim N nộp 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), Lý Thanh D nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), Lộc Văn Đ nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Trong thời hạn luật định, các bị cáo Hoàng Kim N, Lý Thanh D, Lộc Văn Đ kháng cáo xin hưởng án treo. Ngày 23/12/2020, Tòa án nhận được Đơn kêu cứu và Đơn đề nghị về việc thay đổi nội dung kháng cáo, yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm vì bỏ lọt tội phạm. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo, yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm vì lý do Bản án sơ thẩm bỏ lọt tội phạm.

Tại phiên tòa, các bị cáo kháng cáo yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm vì lý do Bản án sơ thẩm bỏ lọt tội phạm đối với các đối tượng: Ông Lý Văn T - Phó Chủ tịch huyện B; ông Lâm Văn G nguyên là Chủ tịch UBND xã H1; Lâm Văn P nguyên là Chủ tịch UBND xã H1; ông Lăng Xuân T nguyên là Chủ tịch UBND xã H1; ông Hoàng Kim V nguyên là Phó Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B; ông Đinh Xuân Đ nguyên là Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện B; bà Dương Thị T; ông Hứa Văn N nguyên là Trưởng thôn B, xã H1, huyện B; ông Mỗ Văn C nguyên là Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B (đã chết). Các đối tượng này có dấu hiệu phạm tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng và đồng phạm với các bị cáo về tội Vi phạm các quy định về quản lý đất đai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định nên là hợp lệ. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội Vi phạm các quy định về quản lý đất đai là đúng người, đúng tội, không oan. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng về nhân thân, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, do đó mức hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là phù hợp. Xét kháng cáo của các bị cáo, về việc thay đổi kháng cáo yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm vì bỏ lọt tội phạm là không có căn cứ. Ông Mỗ Văn C nguyên là Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B đã chết nên không có cơ sở để xem xét trách nhiệm hình sự. Các đối tượng khác không phải là đồng phạm trong vụ án, vì mặt chủ quan đối với tội Vi phạm các quy định về quản lý đất đai phải là lỗi cố ý; hành vi của những đối tượng nêu trên không thực hiện với lỗi cố ý, việc ký các văn bản đều do cán bộ chuyên môn trình ký theo thẩm quyền về hành chính, không được trao đổi bàn bạc để làm sai lệch hồ sơ và không phát hiện ra các bị cáo cố ý làm trái quy định về quản lý đất đai. Hành vi của các đối tượng nêu trên chưa thỏa mãn về mặt hậu quả, cụ thể là chưa gây ra hậu quả về vật chất, tính mạng, sức khỏe theo quy định của Điều 360 Bộ luật Hình sự năm 2015 nên không đủ cấu thành tội phạm của tội Thiếu tinh thần trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng theo Điều 360 Bộ luật Hình sự năm 2015. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ

luật Tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo: Đề nghị hủy bản án sơ thẩm vì bỏ lọt tội phạm đối với các đối tượng: Ông Lý Văn T - Phó Chủ tịch huyện B; ông Lâm Văn G nguyên là Chủ tịch UBND xã H1; Lâm Văn P nguyên là Chủ tịch UBND xã H1; ông Lăng Xuân T nguyên là Chủ tịch UBND xã H1; ông Hoàng Kim V nguyên là Phó Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B; ông Đinh Xuân Đ nguyên là Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện B; bà Dương Thị T; ông Hứa Văn N nguyên là Trưởng thôn B, xã H1, huyện B; ông Mỗ Văn C nguyên là Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B (đã chết). Các đối tượng Lý Văn T; Lâm Văn G; Lâm Văn P; ông Lăng Xuân T được ký và đóng dấu vào các văn bản, là nguyên nhân trực tiếp gây ra hậu quả làm trái quy định; Hoàng Kim V, Đinh Xuân Đ được phân công chịu trách nhiệm về thẩm định hồ sơ cấp đất; Hứa Văn N được ký vào đơn xin cấp đất dẫn đến việc cấp sai.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các bị cáo yêu cầu triệu tập ông Lý Văn T; ông Lâm Văn G; ông Lăng Xuân T; ông Lâm Văn P; ông Hứa Văn N; bà Dương Thị T; ông Đinh Xuân Đ (nguyên Chánh văn phòng HĐND - UBND huyện B); ông Hoàng Kim V (nguyên Phó Phòng Tài nguyên và Môi trường phụ trách lĩnh vực cấp đất). Tòa án đã triệu tập hợp lệ, tại phiên tòa vắng mặt những người này nhưng những người này đã yêu cầu xét xử vắng mặt. Riêng bà Dương Thị T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nội dung của Bản án sơ thẩm. Do đó, có căn cứ để xác định: Trong thời gian năm 2015, quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện B và tại UBND xã H1, huyện B, các bị cáo Hoàng Kim N, Lý Thanh D và Lộc Văn Đ đều là những người có chức vụ, quyền hạn, được giao thực hiện những công việc nhất định trong công tác quản lý nhà nước về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân. Tuy nhiên, các bị cáo đã không thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn mà làm trái với công vụ được giao. Hậu quả là đã tham mưu, lập hồ sơ trình UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền dùng đất không đúng cho 07 hộ gia đình, cá nhân với tổng diện tích đất là 1.900.924m<sup>2</sup> thuộc đất rừng sản xuất, có tổng giá trị là 9.504.620.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào khoản 3 Điều 229 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt các bị cáo Hoàng Kim N, Lý Thanh D, Lộc Văn Đ về tội Vi phạm các quy định về quản lý đất đai là đúng người, đúng tội, không oan. Tuy nhiên, trong vụ án này các bị cáo có tình tiết định khung

hình phạt là điểm a khoản 3 Điều 229 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Tòa án cấp sơ thẩm chỉ áp dụng khoản 3 Điều 229 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là thiếu sót; phần quyết định của Bản án sơ thẩm xác định thời hạn cấm đảm nhiệm chức vụ đối với các bị cáo tính từ ngày bản án có hiệu lực là không chính xác, cấp phúc thẩm cần khắc phục cho đầy đủ, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3] Xét kháng cáo yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm vì lý do bỏ lọt tội phạm đối với Mỗ Văn C, Lý Văn T, Lâm Văn P, Lâm Văn G, Lãng Xuân T, Hứa Văn N, Hoàng Kim V và Đinh Xuân Đ, thấy rằng: Theo Điều 70 Nghị định 43/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Điều 2 của Quyết định số 3077/QĐ-UBND ngày 10/7/2014 của Chủ tịch UBND huyện B, thì Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất có nhiệm vụ và quyền hạn thực hiện các thủ tục về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và đã có tờ trình đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; kèm theo tờ trình là hồ sơ đã được các bị cáo làm sai lệch để đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Mỗ Văn C có dấu hiệu của tội phạm nhưng đã chết nên không có cơ sở để làm rõ hành vi của Mỗ Văn C.

[4] Các đối tượng còn lại nêu trên không phải là đồng phạm trong vụ án, vì mặt chủ quan đối với tội Vi phạm các quy định về quản lý đất đai phải là lỗi cố ý; hành vi của những đối tượng Lý Văn T; Lâm Văn P; Lâm Văn G; Lãng Xuân T; Hứa Văn N không thực hiện với lỗi cố ý, việc ký các văn bản đều do cán bộ chuyên môn trình ký theo thẩm quyền về hành chính, không được trao đổi bàn bạc để làm sai lệch hồ sơ và không phát hiện ra các bị cáo Hoàng Kim N, Lý Thanh D, Lộc Văn Đ cố ý làm trái quy định về quản lý đất đai.

[5] Hành vi khách quan của các đối tượng Lý Văn T; Lâm Văn P; Lâm Văn G; Lãng Xuân T; Hứa Văn N có dấu hiệu tội Thiếu tinh thần trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng theo Điều 360 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên, hành vi của các đối tượng này là thiếu trách nhiệm trong khi thi hành công vụ nhưng chưa thỏa mãn về mặt hậu quả, cụ thể là chưa gây ra hậu quả về vật chất, tính mạng, sức khỏe nên không đủ cấu thành tội phạm của tội Thiếu tinh thần trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng theo Điều 360 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đối với bà Dương Thị T là công dân không phải là người có chức vụ, quyền hạn nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm về các tội mà các bị cáo đã nêu ra. Đối với ông Đinh Xuân Đ và ông Hoàng Kim V, theo tài liệu thu thập được không có căn cứ ông Hoàng Kim V được Mỗ Văn C giao cho giải quyết những nội dung liên quan đến vụ án; theo phân công công việc và theo Điều 70 Nghị định 43/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì Văn phòng HĐND - UBND không chịu trách nhiệm thẩm định nội dung chuyên môn về cấp đất (chỉ thẩm định về thẩm quyền và hình thức trình bày văn bản) nên ông Hoàng Kim V và ông Đinh Xuân Đ không có hành vi vi phạm trong thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao.

[6] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở kết luận: Vụ án không có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm. Cần giữ nguyên nội dung Bản án sơ thẩm.

[7] Về hình phạt bổ sung: Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định thời hạn cấm đảm nhiệm chức vụ của các bị cáo Hoàng Kim N, Lộc Văn Đ tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật là chưa chính xác. Cấp phúc thẩm cần điều chỉnh lại cho chính xác là: “tính từ ngày chấp hành xong hình phạt chính”. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo không phù hợp với nhận định trên nên không được chấp nhận.

[10] Về án phí: Do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Không chấp nhận kháng cáo yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm vì bỏ lọt tội phạm của các bị cáo Hoàng Kim N, Lý Thanh D, Lộc Văn Đ; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2020/HS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể như sau:

1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 229; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Hoàng Kim N, Lý Thanh D, Lộc Văn Đ; ngoài ra, áp dụng khoản 4 Điều 229 đối với các bị cáo Hoàng Kim N, Lộc Văn Đ.

Tuyên bố các bị cáo Hoàng Kim N, Lý Thanh D, Lộc Văn Đ phạm tội Vi phạm các quy định về quản lý đất đai.

1.1. Xử phạt bị cáo Hoàng Kim N 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Cấm bị cáo Hoàng Kim N đảm nhiệm chức vụ, làm công việc có liên quan đến việc quản lý đất đai trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt chính.

1.2. Xử phạt bị cáo Lý Thanh D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Vi phạm các quy định về quản lý đất đai; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án; được trừ đi thời gian đã tạm giam 03 (ba) tháng 08 (tám) ngày.

1.3. Xử phạt bị cáo Lộc Văn Đ 02 (hai) năm tù về tội Vi phạm các quy định về quản lý đất đai; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Cấm bị cáo Lộc Văn Đ đảm nhiệm chức vụ, làm công việc có liên quan đến việc quản lý đất đai trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt chính.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

2. Xử lý số tiền các bị cáo nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền bị cáo Hoàng Kim N đã nộp 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), số tiền bị cáo Lý Thanh D đã nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), số tiền bị cáo Lộc Văn Đ đã nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Hoàng Kim N, Lý Thanh D Lộc Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- PV06 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- TAND H. Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND H. Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS H. B, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an H. Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Tổ HCTP, KTNV&THA;
- Lưu hồ sơ, tòa hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Long Kiểm**

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- PV06 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- TAND H. Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND H. Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS H. Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an H. Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Tổ HCTP, KTNV&THA;
- Lưu hồ sơ, tòa hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Long Kiếm**

